

THƯ VIỆN ĐẠI HỌC TRƯỚC CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA HỘI NHẬP QUỐC TẾ

TVVC. NGUYỄN HỮU TY

PGĐ Trung tâm TT-TV Đại học Nông nghiệp

Sự phát triển mạnh mẽ của Khoa học Công nghệ (KHCN), đặc biệt là Công nghệ Thông tin (CNTT) và Truyền thông đã tác động sâu rộng đến sự phát triển của thế giới nói chung và đến công tác Thông tin – Thư viện (TT-TV) nói riêng. Thế giới ngày nay đang chuyển dần từ xã hội Công nghiệp sang xã hội Thông tin với nền Kinh tế Tri



thức. Xu thế toàn cầu hoá kinh tế được xác định là một tất yếu khách quan, bản thân nó sẽ tạo ra vô vàn cơ hội mới nhưng đi kèm với nó là vô vàn thách thức mới cho sự phát triển kinh tế và KHCN của các quốc gia. Công tác TT-TV với vị thế là một tiềm năng thứ 3 trong việc thúc đẩy phát triển KHCN cũng không nằm ngoài xu thế đó.

1. Những cơ hội và thách thức.

1.1 Cơ hội:

- Tận dụng được những tiến bộ về KHCN, nhất là những tiến bộ về Công nghệ thông tin của thế giới, những thành tựu và kinh nghiệm của thế giới trong lĩnh vực TT-TV;
- Hưởng lợi từ các kho tài nguyên thông tin khổng lồ, phong phú và chất lượng về nội dung, đa dạng về hình thức. Chính sách ưu đãi trong việc chia sẻ, trao đổi giữa các khu vực và quốc gia;
- Có nhiều cơ hội để giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, học tập và đào tạo cán bộ;
- Có nhiều lựa chọn trong việc học tập các mô hình tổ chức và quản lý TT-TV;

1.2 Thách thức:

- Phải thu hẹp khoảng cách giữa ta và thế giới về điều kiện kỹ thuật, cơ sở hạ tầng. Nhất là điều kiện về hạ tầng Công nghệ thông tin, điều kiện làm việc, trang thiết bị;
- Phải tạo lập được hệ CSDL nội sinh phong phú về nội dung, có chất lượng và đạt tiêu chuẩn về nghiệp vụ TT-TV để trao đổi và đóng góp vào kho tài nguyên thông tin thế giới;
- Có đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác TT-TV theo đúng nghĩa là chuyên nghiệp, đủ về số lượng và đạt chất lượng, đáp ứng được các yêu cầu của công nghệ Thông tin-Thư viện hiện đại.
- Có những chính sách phù hợp với xu thế hội nhập và hợp lý của trong nước và quốc tế;

Trước bối cảnh phát triển của xu thế hội nhập, công tác TT-TV của cả nước nói chung và của hệ thống các trường Đại học, Cao đẳng nói riêng sẽ phải làm gì để chủ động đón nhận những Cơ hội và Thách thức của Hội nhập quốc tế? Trong khuôn khổ

tham luận này tôi chỉ xin nêu một số vấn đề bức thiết mà ngay từ bây giờ chúng ta phải nhìn nhận đánh giá một cách khách quan để chúng ta có biện pháp điều chỉnh và phát triển.

2. Thực trạng của công tác TT-TV đại học trong thời gian qua:

2.1. Cơ sở vật chất:

2.1.1 Kết quả đạt được: Cùng với chủ trương đổi mới kinh tế đất nước, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách và quan tâm chỉ đạo, đầu tư cả vật chất và con người để phát triển sự nghiệp TT-TV nói chung, đặc biệt là hệ thống các Thư viện Đại học nói riêng. Dự án Giáo dục Đại học và nhiều Dự án khác đã đầu tư hàng nhiều triệu Đô la để xây mới, cải tạo, nâng cấp các Thư viện, Trung tâm TT-TV của các trường Đại học, Cao đẳng trong cả nước. Nhiều Thư viện Đại học đã được trang bị các thiết bị hiện đại, nhất là thiết bị về CNTT để thực hiện mục tiêu tin học hoá các khâu nghiệp vụ, dịch vụ thư viện. Xây dựng Thư viện điện tử, phát triển hệ thống mạng thông tin Intranet/Internet trong các thư viện nhằm mục đích liên kết, chia sẻ tài nguyên thông tin-Tư liệu giữa các thư viện phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH đất nước. Thực tế cho thấy trong số hơn 400 thư viện, Trung tâm TT-TV của các Viện, Trường ĐH, Cao đẳng đều đã được đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp ở mức độ qui mô khác nhau và bằng nhiều nguồn kinh phí khác nhau.

Kết quả của việc đầu tư trên, nhiều cơ quan TT-TV của các Viện, Trường ĐH, CĐ đã tạo lập được các mạng thông tin KHCN, có trang Web để đăng tải và phổ biến thông tin. Một số Trung tâm đã xây dựng được Website, công thông tin để trao đổi tài nguyên thông tin-Tư liệu, các công cụ tra cứu trực tuyến (OPAC) trên mạng đã được hình thành từ các trang Web của các Thư viện, điều đó đã làm thay đổi cách thức phục vụ và làm cho hoạt động TT-TV trở nên sinh động và hiệu quả hơn, làm thay đổi cách nhìn và nhận thức của xã hội với công tác TT-TV

Phần mềm quản lý thư viện điện tử đã được nhiều thư viện đưa vào sử dụng như một công cụ hữu hiệu trong việc chuyển đổi phương thức quản lý và phục vụ từ thư viện truyền thống sang thư viện hiện đại. Mặc dù kết quả ứng dụng phần mềm quản lý thư viện ở các thư viện có sự khác nhau tùy thuộc vào năng lực tài chính, khả năng chuyên môn nghiệp vụ, điều kiện kỹ thuật ... Với việc đổi mới công nghệ trong công tác TT-TV đã có kết quả, mà điều ghi nhận đầu tiên là đã làm thay đổi cách tư duy và tác phong làm việc của cán bộ nghiệp vụ trong các thư viện, làm cho cán bộ thư viện năng động hơn, chú ý đến ý thức học tập vươn lên hơn, bạn đọc có hứng thú khi đến sử dụng thư viện.

2.1.2 Những tồn tại cần khắc phục:

Quá trình đầu tư cơ sở vật chất cho công tác TT-TV đại học trong bối cảnh nước ta chưa hình thành một mô hình chuẩn để các thư viện khảo sát, học tập rút kinh nghiệm, lựa chọn. Mặt khác một số nơi, cán bộ quản lý nghiệp vụ thư viện chưa được tham gia một cách đầy đủ vào quá trình chuẩn bị và thực hiện dự án đầu tư. Do đó trong khi lựa chọn trang thiết bị chưa được cân nhắc kỹ, đầu tư thiếu đồng bộ, không phát huy hết hiệu quả. Hệ thống mạng thông tin và nguồn thông tin trên mạng của các thư viện mới chỉ đạt được mục tiêu là phục vụ bạn đọc trong nội bộ cơ quan chứ chưa

tiến đến mục đích quan trọng nhất mà xã hội mong đợi đó là liên kết các thư viện đại học và đưa thư viện đại học lên Web. Để thực hiện được điều này không dễ vì phụ thuộc vào kinh phí, thiết bị kỹ thuật CNTT và vào năng lực cán bộ kỹ thuật của từng thư viện. Nên chăng, trước mắt một số các Trung tâm TT-TV, thư viện đã có đủ điều kiện và năng lực cần thử nghiệm xây dựng mô hình liên kết, chia sẻ nguồn lực của nhau để rút kinh nghiệm và nhân rộng ra.

Vấn đề kinh phí hoạt động sau dự án cũng chưa được tính đến, do đó nhiều thiết bị đầu tư sẽ không hoạt động hiệu quả vì thiếu kinh phí. Kinh phí hoạt động bằng ngân sách thì hạn chế, chưa có văn bản pháp luật qui định nên việc cấp kinh phí cho hoạt động TT-TV thường phụ thuộc vào lãnh đạo nhà trường.

Việc ứng dụng phần mềm quản lý thư viện điện tử chưa có sự chỉ đạo thống nhất từ cấp quản lý chuyên môn nên hầu hết các Thư viện tiến hành theo khả năng và hiểu biết của mình. Có thư viện sau đầu tư đã có thể đưa vào sử dụng hầu hết các Module của phần mềm vào quản lý, phục vụ thư viện, nhưng cũng có Thư viện mới chỉ sử dụng một số Module chính. điều đó làm cho phần mềm kém phát huy hiệu quả.

2.2. Xây dựng nguồn lực Thông tin-Tư liệu:

2.2.1 Kết quả đạt được:

Từ những năm 1990, các thư viện đã sử dụng phần mềm CDS/ISIS vào quản lý vốn tài liệu của thư viện (một số các thư viện phía nam có sử dụng một số phần mềm khác). Đặc biệt từ năm 2000 đến nay, hầu hết các thư viện đều sử dụng phần mềm quản lý thư viện với hệ quản trị CSDL tiên tiến như SQL hoặc ORACLE để quản lý Cơ sở dữ liệu (CSDL) tư liệu thư viện. Các CSDL được xây dựng theo các chuẩn nghiệp vụ như khổ mẫu biên mục MARC21, chuẩn mô tả ISBD hay AACR2, áp dụng phân loại tài liệu theo khung phân loại DDC. Một số thư viện đã xây dựng được bộ sưu tập thư viện số các tài liệu nội sinh như luận án, luận văn, kết quả KHCN, bài giảng - giáo trình, kỷ yếu... để lưu hành trong mạng nội bộ, các bản tin điện tử, tạp chí điện tử và mục lục trực tuyến OPAC đã được đưa lên mạng Internet phục vụ nhu cầu tra cứu của người dùng tin, Số lượng biểu ghi có trong các CSDL của các thư viện cũng được cập nhật thường xuyên. Đặc biệt, có thư viện đã xây dựng được CSDL lên đến vài trăm ngàn biểu ghi (chưa kể biểu ghi nhập bên ngoài thư viện).

2.2.2 Những tồn tại cần khắc phục:

Để có thể hội nhập quốc tế về trao đổi, chia sẻ thông tin thì chúng ta cần sớm tiến hành xây dựng một số chuẩn nghiệp vụ mà đến nay vẫn chưa thống nhất: ví dụ: trong việc mô tả các trường Mã chuyên ngành luận án (có nơi dùng trường 915; 084...). Xây dựng và thống nhất trong việc định chủ đề, mô tả tiêu đề đề mục (trường 650), có nơi dùng bộ danh mục chủ đề của Thư viện QH Mỹ, có nơi tự dịch sang tiếng Việt. Trường mô tả đối với sách bộ (505, 774). Chúng ta cần lập ra một ban chỉ đạo gồm những cán bộ nghiệp vụ có năng lực và kinh nghiệm để thống nhất về nghiệp vụ, qua đó phổ biến và hướng dẫn các thư viện thực hiện theo chỉ đạo chung. Có như vậy thì sau này mới tránh được việc phải sửa chữa những sai lầm không đáng có. Việc số hoá tài liệu nội sinh để xây dựng một kho dữ liệu số đặc thù của các thư viện đại học là một việc làm cần thiết và không thể chậm trễ. Nhưng hiện nay chúng ta cũng thiếu

sự thống nhất trong việc xây dựng cấu trúc, các tiêu chí phục vụ tìm kiếm, tiêu chí lựa chọn định dạng cho từng loại hình tài liệu, về phần mềm quản lý, khổ mẫu biên mục và hơn hết là định hướng và kế hoạch thực hiện, kinh nghiệm quản lý cũng như kiến thức về luật sở hữu, bản quyền để tránh những phiền phức sau này khi hội nhập.

3. Tổ chức các hoạt động dịch vụ TT-TV

Các hoạt động dịch vụ cần hướng vào đối tượng người dùng. Hiện nay đa số các thư viện đều đã chuyển đổi phương thức phục vụ từ kho đóng sang kho mở áp dụng khung phân loại DDC với công nghệ mã vạch, Cổng từ. Với hình thức phục vụ mới này đã làm cho hoạt động thư viện trở nên sinh động hơn, hiệu quả và gần gũi với người dùng, thu hút được nhiều người đến thư viện. Một số thư viện đã tổ chức được dịch vụ tư vấn, hỏi đáp theo yêu cầu của người dùng theo phương thức trực tiếp hay gián tiếp qua mạng, dịch vụ cung cấp bản tài liệu gốc, sao chụp. Một số thư viện đã chú ý đến việc tổ chức đào tạo, huấn luyện cho người dùng tin các kiến thức về tin học, các kỹ năng tra tìm thông tin trên mạng, tra tìm tài liệu trong CSDL hoặc trong kho mở.

4. Công tác nhân sự :

Cùng với cơ hội đầu tư, đổi mới công nghệ, hiện đại hoá công tác nghiệp vụ thì đi liền với nó là những thách thức về đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ nghiệp vụ. Hệ quả của nhiều năm hoạt động trong cơ chế bao cấp, công tác TT-TV không được xã hội quan tâm đầu tư đúng mức, hay nói cách khác là chưa được đặt đúng chỗ. Cán bộ thì nhiều nhưng lại thiếu người có năng lực. Tình trạng bố trí những cán bộ không có chuyên môn để hợp lý hoá công tác tổ chức, cán bộ không có năng lực, cán bộ vi phạm kỷ luật sang làm thư viện ở các thư viện đại học đã làm cho chất lượng hoạt động thư viện sa sút, tinh thần, tư tưởng của cán bộ không yên tâm phấn khởi, bị tự ái và nguy hiểm nhất là nó làm triệt tiêu ý chí phấn đấu vươn lên, tinh thần yêu nghề trong mỗi cán bộ. Thậm chí một bộ phận cán bộ có năng lực đã bỏ nghề để đi làm việc khác không phải chuyên môn của mình. Cán bộ làm thư viện ít được đi tham quan, khảo sát giao lưu với bên ngoài cũng là một hạn chế rất lớn.

Trong mấy năm qua, mặc dù được đầu tư, quan tâm của nhà nước, nhưng công tác TT-TV vẫn chưa đủ hấp dẫn (thu nhập thấp) để thu hút được những cán bộ nghiệp vụ có năng lực khá giỏi đến làm việc, đó là chưa kể đến đội ngũ các cán bộ làm công tác quản lý lại càng thiếu trầm trọng.

Trước cơ hội đổi mới, công tác nhân sự là một bài toán khó cho các thư viện. Tình trạng cán bộ nghiệp vụ yếu về ngoại ngữ, tin học là phổ biến trong các thư viện. Đó là chưa kể đến kiến thức về quản trị mạng, kiến thức về Internet, những hiểu biết về mô hình thư viện hiện đại. Do vậy trước mắt chúng ta cần chọn một Thư viện đã có nhiều kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức, xây dựng mô hình thư viện hiện đại đứng ra tổ chức các khoá huấn luyện cho toàn hệ thống theo nội dung thật sát với yêu cầu thực tế, tăng cường khả năng thực hành các khâu nghiệp vụ. Kết hợp chặt chẽ giữa các bộ phận chức năng của các Liên hiệp để chỉ đạo huấn luyện theo các tiêu chí nghiệp vụ thống nhất. Tăng cường giao lưu, tham quan, khảo sát trao đổi để

học tập lẫn nhau, vận dụng được những thành quả, kinh nghiệm ưu việt nhất của các thư viện.

5. Các chính sách và những kiến nghị:

Đề nghị Bộ giáo dục và Đào tạo cần có những qui định thống nhất trong việc phân bổ kinh phí cho hoạt động thư viện đại học. Thực tế cho thấy phương pháp chia bánh trong việc phân bổ kinh phí ngân sách của các trường ĐH hiện nay, do đó kinh phí dành cho hoạt động TT-TV vẫn theo cơ chế Xin-Cho, chưa thực hiện theo một qui chế cụ thể nào. Cần cụ thể hoá luật khoa học công nghệ và Nghị định 159/2004/NĐ-CP của chính phủ về hoạt động thông tin KHCN làm cơ sở cho việc thực hiện thu thập, giao nộp và số hoá các tài liệu kết quả KHCN trong phạm vi nhà trường.

Về phía Liên hiệp thư viện các trường ĐH,CD cần thúc đẩy hơn nữa hoạt động của các ban chuyên môn, sớm thống nhất hai liên hiệp phía Bắc và phía Nam để có sự chỉ đạo thống nhất các tiêu chuẩn nghiệp vụ, sớm ban hành các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ dùng chung trong cả hệ thống.

Tôi hy vọng rằng, nếu mỗi cán bộ làm công tác TT-TV hiện nay, nếu ai cũng yêu nghề như yêu bản thân mình, sống chết với nó thì mọi khó khăn đều có thể khắc phục. Chúng ta hãy phấn đấu để thực hiện phương châm mà người thế giới đã thực hiện, đó là: **Đưa Web vào trong thư viện và kết nối các thư viện vào Web**.

Chúc quý vị sức khoẻ và thành đạt ! Địa chỉ liên hệ: nhty@hau1.edu.vn

Tài liệu tham khảo:

1. Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ ở Việt Nam: Hiện trạng và Định hướng phát triển./TS. Tạ bá Hưng, Ths. Cao Minh Kiểm, Ths. Nguyễn Tiến Đức-Trung tâm Thông tin KHCN quốc gia.
2. Báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ 2003-2005 của Liên hiệp Thư viện ĐH khu vực phía Bắc./ BCH Liên hiệp Thư viện ĐH khu vực phía Bắc
3. Nguồn tin nội sinh của trường đại học: Thực trạng và các giải pháp phát triển./ Ths. Trần Mạnh Tuấn- Viện Thông tin KHXH.
4. Một số ý kiến về Thư viện điện tử và hiện đại hoá các Thư viện Y học ở nước ta./ Nguyễn Tuấn Khoa- Viện Thông tin - Thư viện Y học trung ương